

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 224/2022/HS-PT

Ngày: 17 - 11 - 2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Võ Trung Hiếu**.

*Các Thẩm phán:* Ông **Mai Văn Hùng Cường**

Ông **Võ Thanh Bình**.

*Thư ký phiên tòa:* Bà **Phạm Thị Hồng Mơ** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:*  
Ông **Trần Văn Minh**, Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 177/2022/TLPT-HS ngày 18 tháng 10 năm 2022 đối với bị cáo **Trịnh Lê Thanh V** do có kháng cáo của bị cáo **Trịnh Lê Thanh V**, bị hại ông **Nguyễn Văn T** và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện C đối với bản án hình sự sơ thẩm số 47/2022/HSST ngày 07 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

*- Bị cáo có kháng cáo, bị kháng nghị:*

**Trịnh Lê Thanh V**, thường gọi: Tèo, sinh năm 1974 tại Tiền Giang; Nơi cư trú: ấp 14, xã LT, huyện C, tỉnh Tiền Giang; Nghề nghiệp: Làm vườn; Trình độ văn hoá: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông **Lê Phú Q**, sinh năm 1942 (đã chết) và bà **Trịnh Thị L**, sinh năm 1942; Vợ là **Trần Thị Thu T**, sinh năm 1990; Con có 3 người, lớn nhất sinh năm 1996 (con vợ trước), nhỏ sinh năm 2017. Cùng cư trú: ấp 14, xã LT, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Đặc điểm nhân thân của bị cáo: Từ nhỏ đi học, học đến hết lớp 7 nghỉ học, sinh sống tại xã LT, huyện C, tỉnh Tiền Giang; Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 15/9/2021 (bị cáo có mặt).

*- Bị hại có kháng cáo:*

+ **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1974. Nơi cư trú: ấp BĐ, xã TB, huyện C, Tiền Giang (có mặt).

*- Bị hại không có kháng cáo:*

+ **Phạm Thị Mộng T2 (H)**, sinh năm 1984. (có mặt)

Nơi cư trú: ấp N, xã X, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

+ Nguyễn Thị B , sinh năm 1967 (vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp 8, xã LT , huyện C , tỉnh Tiền Giang

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Trương Đức T3, sinh năm 1989. (vắng mặt )

Nơi cư trú: ấp 12, xã LT , huyện C , tỉnh Tiền Giang.

- *Người làm chứng:*

+ Nguyễn Bình K, sinh năm 1995. (vắng mặt )

Nơi cư trú: ấp 8, xã LT , huyện C , tỉnh Tiền Giang.

+ Huỳnh Thị N (T), sinh năm 1995. (vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp BT, xã TB , huyện C , tỉnh Tiền Giang.

+ Trần Thị Xuân T4, sinh năm 1975. (có mặt)

Nơi cư trú: ấp 8, xã LT , huyện C , tỉnh Tiền Giang.

+ Trần Thị Cúc H, sinh năm 1971 (có mặt)

Nơi cư trú: ấp T, xã TB , huyện C , tỉnh Tiền Giang.

+ Nguyễn Văn H2 (thường gọi ông M), sinh năm 1967 (vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp BT, xã TB , huyện C , tỉnh Tiền Giang.

- *Ngoài ra trong vụ án còn có 02 bị hại, 01 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng không có kháng cáo*

- *Bản án bị kháng nghị.*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 07/01/2021, chị Phạm Thị Mộng T2 (H), sinh năm: 1984. Nơi cư trú: ấp N , xã X , huyện C , tỉnh Tiền Giang là quán karaoke “X” tại ấp BT, xã TB, huyện C , tỉnh Tiền Giang bị Cơ quan CSĐT Công an huyện C khởi tố vụ án, khởi tố bị can và ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú về tội mua bán trái phép chất ma túy, T2 được bạn giới thiệu Trịnh Lê Thanh V (tên gọi khác là Tèo) có mối quan hệ xã hội rộng, quen biết nhiều cán bộ trong ngành Công an, Viện kiểm sát, Tòa án nên T2 liên hệ qua điện thoại để nhờ V, giúp lo cho hình phạt tù nhẹ khi Tòa án huyện C đưa ra xét xử. Mặc dù, bị cáo không có chức năng giải quyết vụ án, cũng không thể tác động được ai trong các cơ quan pháp luật để xin giảm nhẹ án cho T2 và cũng không có động thái nào giúp cho T2 được xử tù ở mức nhẹ, nhưng bị cáo vẫn đưa ra yêu cầu với T2 là muốn được xử nhẹ thì phải đưa cho bị cáo số tiền 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng). T2 đồng ý và đã đưa 55.000.000 đồng vào tháng 01/2021 (trong đó 5.000.000 đồng đưa tại quán karaoke “X” và 50.000.000 đồng đưa tại quán cà phê “D” thuộc ấp BT, xã TB , huyện C ). Cả hai lần đưa tiền đều có chị Huỳnh Thị N (T) là nhân viên quán karaoke “X” chứng kiến, thấy việc V đến nhà chị T2 và chứng kiến thấy việc T2 đưa tiền cho bị cáo. Sau đó, bị cáo tiếp tục gọi điện thoại yêu

cầu T2 đưa thêm 100 triệu đồng nhưng T2 không có khả năng theo yêu cầu thì bị cáo nói với T2: *“nếu không chạy án tiếp thì mất số tiền 55 triệu đồng đã đưa cho V trước đó vì V đã đưa cho ông sắp rồi”*. Đến đầu tháng 9/2021, sau khi được Viện kiểm sát nhân dân huyện C tổng đạt cáo trạng truy tố về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b, p khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự, với khung hình phạt từ 7 - 15 năm tù. T2 lo sợ nên liên hệ với bị cáo để tiếp tục giúp giảm nhẹ mức hình phạt. Lúc này, bị cáo yêu cầu phải đưa số tiền 110 triệu đồng. Sau đó vài ngày, bị cáo điện thoại hỏi thúc kêu đưa tiền để lo giảm án nếu không đưa tiền sẽ bị xử với khung hình phạt tù cao và đưa ra thông tin giảm án cho T2 như: *“...mà em giờ tốc hành mau đi, anh giảm cho em được năm nào đỡ năm nấy, tháng nào đỡ tháng nấy, ngày nào đỡ ngày nấy, hứa với em ra tòa anh sẽ tuyên án cho em giảm, anh hứa uy tín, ông sắp anh là Chánh án...”*. Cái phần này bây giờ em lo tốc hành đi, em đừng có cãi anh, anh nói em hôm nay là đừng có cãi. Người ta hai trăm rưỡi đó nhưng mà anh đối với em, là anh nói em tiền có một trăm một thôi, nói thiệt, nói đúng giá của em là hai trăm rưỡi người ta mới giảm cho em” và đưa ra thông tin khi T2 chấp hành án như: *“... Qua bên Trại giam, ông sắp của ông anh là Giám thị ở trong á, em muốn ở mấy năm về là ăn thua ông á, cho em biết) Rồi anh sẽ tính tình tiết cho em ở năm nào, ngày nào, giảm như thế nào hết cho, nói hết cho em... em muốn ở, em muốn ở lâu mau là quyền của anh, nói thiệt em luôn á, ông sắp anh, anh sẽ lo cho em hết”*. T2 đồng ý và hẹn bị cáo đến quán karaoke “X” để gặp trao đổi. Thời điểm này, T2 nghi ngờ bị cáo lừa đảo nên đã làm đơn tố cáo đến Công an. Khoảng 10 giờ 30 phút, ngày 15/9/2021, bị cáo đến quán karaoke “X” gặp T2. Khi đến quán, bị cáo tiếp tục đưa ra những thông tin không có thật cho T2 tin tưởng như: *“cái hồ sơ bữa hôm Viện kiểm sát ấy em mút khung luôn rồi đó cho biết ...để người ta làm cái hồ sơ này giảm cái mức án cố định cho em xong, nói em rành em biết mà, mới đâu em biết mức án của em rồi á, bây giờ em phải lo giảm nhiều em mới vầy được, em mức án em nặng dữ lắm. Qua Trại giam, em muốn làm cái gì hay muốn giảm 6 tháng cũng được, 1 năm cũng được nữa, một lần 6 tháng, một lần 1 năm cũng được, mà em có tiền giảm nhiều càng tốt, ông nói Bữa lễ 2 tháng 9 hế, anh lo 15 người ra luôn, 2 tháng 9 ra rồi nè, mới ra nè, em đưa năm chục, anh đưa người ta một trăm rưỡi đó H, nhưng mà một trăm triệu vầy anh không mất nè, kèo khác anh lấy lại đó. Chứ em thử coi không ấy anh mất trăm triệu, nói cho em biết. Bởi vậy, bữa bổ sung giấy chứng minh cho em đó người ta soạn hồ sơ cho anh đem lại tòa. Phải chờ em đi về gấp đăng cho người giải quyết cho giảm án hà. Rồi lấy tình tiết người ta coi, cái hồ sơ em người ta làm lại hết, cái tình tiết nào ấy được bỏ vô, cái tình tiết nào giảm người ta lấy vô thôi mới được, chớ đâu phải đơn giản vậy”*. Khoảng 10 giờ 45 phút, T2 tiếp tục đưa cho V 60.000.000 đồng, còn lại 50.000.000 đồng, hẹn năm ngày nữa sẽ đưa thì bị cáo đồng ý. Sau khi nhận tiền xong, bị cáo điều khiển xe mô tô hiệu Honda Future màu xanh, biển kiểm soát XXB2 327.XX mang theo số tiền 60 triệu đồng do T2 đưa ra về đến đoạn đường Tỉnh lộ 8XX thuộc ấp BT, xã TB, huyện C, tỉnh Tiền Giang thì bị lực lượng Công an bắt quả tang. Tổng số tiền bị cáo V chiếm đoạt của bị hại Phạm Thị Mộng T2 (H) là 115.000.000 đồng.

\* Ngoài vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản nêu trên của bị cáo V. Quá trình điều tra mở rộng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tiền Giang còn xác định bị cáo còn thực hiện 02 vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản như sau:

- Vụ thứ nhất: Ngày 01/3/2020, Lê Hoàng N, sinh ngày 08/3/1993 là con bà Nguyễn Thị B , sinh năm 1967, cư trú: ấp 8, xã LT , huyện C , tỉnh Tiền Giang bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C khởi tố, bắt tạm giam về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Cũng vào tháng 3/2020, thông qua các mối quan hệ xã hội, bà B nhờ Nguyễn Bình K, sinh ngày 13/7/1995 ngụ cùng ấp, K nhờ Trương Đức T3, sinh năm 1989, cư trú: ấp 12, xã LT , huyện C , Tiền Giang giới thiệu bị cáo giúp nên bà B đến nhà Trương Đức T3 để gặp, nhờ bị cáo giúp lo giảm án cho N thì bị cáo đồng ý. Để tạo lòng tin cho bà B, bị cáo nói đã từng giúp lo giảm án nhiều vụ, nhiều người, và hứa sẽ giúp lo cho N được với mức án nhẹ nhất khoảng 01 năm đến 02 năm tù, đồng thời yêu cầu bà B phải đưa cho bị cáo với số tiền là 75.000.000 đồng. Bà B tin tưởng nên đồng ý. Khoảng 03 ngày sau, bị cáo điện thoại kêu Trương Đức T3 chở bà B đến gặp bị cáo ở một quán nước mía gần cổng trụ sở Công an thị xã C thuộc Khu phố Y, phường Z, thị xã C , tỉnh Tiền Giang (không rõ chủ sở hữu) để giao tiền. Tại đây, bà B đã lấy số tiền 75.000.000 đồng đưa cho bị cáo, bị cáo kêu T3 kiểm đếm lại. Sau khi đếm xong, T3 nói cho bị cáo biết là đủ 75.000.000 đồng, bị cáo lấy tiền bỏ vào túi quần đang mặc trên người rồi kêu T3 chở bà B đi về. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, bị cáo điện thoại kêu T3 ra đầu hẻm (cách nhà T3 khoảng 50 mét), bị cáo lấy 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng) ra đưa cho T3 và nói: “Cho tiền uống cà phê và tiền đồ xăng vì đã chở bà B ”. T3 lấy 4.000.000 đồng tiêu xài cá nhân hết. Sau khi nhận 75.000.000 đồng của bà B để giúp lo giảm án như đã hứa hẹn trước đó, nhưng bị cáo không có động thái nào để lo giúp cho N. Đến khi Tòa án nhân dân huyện C xét xử đã tuyên phạt Lê Hoàng N với mức án 02 năm 06 tháng tù giam, bị cáo tiếp tục yêu cầu bà B đưa thêm tiền để lo giảm khi thi hành án. Lúc này, bà B nghi ngờ bị cáo đã lừa đảo chiếm đoạt tiền của mình nhưng sợ trả thù cá nhân nên không dám làm đơn tố cáo. Khi biết bị cáo đã bị cơ quan Công an bắt quả tang vào ngày 15/9/2021 về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của chị T2. Ngày 20/9/2021, bà B gửi đơn tố cáo bị cáo lừa đảo chiếm đoạt tài sản số tiền 75.000.000 đồng.

- Vụ thứ hai: Ngày 05/01/2021, Nguyễn Văn P, sinh năm 1997 là con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1974, cư trú: ấp BĐ, xã TB , huyện C , Tiền Giang bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C khởi tố và bắt tạm giam về tội “Cố ý gây thương tích”. Sau khi P bị tạm giam, ông Nguyễn Văn T gặp và nói ông cũng bị triệu tập nhiều lần đến để làm việc có liên quan đến vụ việc của P thì bị cáo kêu ông T đưa tiền để bị cáo quan hệ, chạy lo cho ông không bị Công an huyện C mời làm việc nữa và giúp lo giảm án cho P khi Tòa án đưa ra xét xử. Do tin lời của bị cáo, ông T đã đưa cho bị cáo 04 (bốn) lần tiền như sau:

+ Lần 1: Khoảng giữa tháng 01/2021, ông T gặp bị cáo ở khu vực gần cầu T thuộc xã LT , huyện C và nói cho biết về việc ông T bị Công an huyện C mời làm việc vì liên quan đến vụ án của P. Bị cáo kêu ông T đưa 30.000.000 đồng để quan hệ lo cho không bị Công an mời đến làm việc nữa. Lúc này, ông T trả lời là

không có tiền thì bị cáo nói sẽ mượn tiền chị vợ thứ 6 tên là Trần Thị Xuân T4, sinh năm 1975, cư trú: ấp 8, xã LT, huyện C, tỉnh Tiền Giang dùm thì ông T đồng ý và nói “nếu mượn được thì mượn thêm cho cậu khoảng 10 triệu luôn”. Khoảng 15 phút sau, bị cáo quay lại đưa cho ông T 35 triệu đồng, ông T đưa cho bị cáo 30 triệu. Khoảng 10 ngày sau, ông T gặp và đưa lại cho bị cáo 35.000.000 đồng tại cầu N thuộc ấp P, xã K, thị xã C để bị cáo trả lại cho chị T4, người mà bị cáo đã mượn tiền trước đó.

+ Lần 2: Sau khi đưa tiền cho bị cáo lần 01 được khoảng 02 tháng, bị cáo đến nhà ông T và nói mức án của P rất nặng và kêu đưa thêm 50.000.000 đồng để quan hệ giúp lo giảm án khi xét xử. Ông T trả lời không có tiền thì bị cáo nói sẽ mượn tiền chị vợ thứ 6 dùm ông T và một tháng sau phải trả lại, ông T đồng ý. Khoảng gần 01 tháng sau, bị cáo đến nhà ông T để lấy lại tiền và ông T đã đưa cho bị cáo số tiền là 54.000.000 đồng (trong đó có 4.000.000 đồng tiền lãi).

+ Lần 3: Cách lần đưa tiền thứ 02 khoảng một tháng, ông T gặp và nói cho bị cáo biết là Công an huyện C tiếp tục mời ông đến làm việc liên quan đến vụ án của P. Bị cáo kêu ông T đưa thêm 20.000.000 đồng để V lo cho ông T không bị Công an mời làm việc. Ông T hẹn ngày hôm sau gặp tại cầu N và đưa số tiền 19.960.000 đồng và nói là thiếu 40.000 đồng thì bị cáo đồng ý.

+ Lần 4: Cách lần đưa tiền thứ 03 khoảng một tháng, bị cáo đến nhà ông T kêu đưa 10.000.000 đồng để mua quà tặng “sếp” nhưng không nói cụ thể là ai. Ông T trả lời không có tiền thì V nói sẽ mượn tiền chị vợ thứ 4 tên Trần Thị Cúc H, sinh năm 1971, cư trú tại ấp T, xã TB, huyện C, tỉnh Tiền Giang dùm và một tháng sau phải trả, ông T đồng ý. Khoảng 01 tháng sau, V đến nhà gặp ông T để lấy lại số tiền 10.000.000 đồng nhưng do ông T không có tiền nên kêu V tìm chỗ để ông T cầm xe mô tô 02 bánh lấy tiền đưa cho bị cáo. Qua ngày hôm sau, bị cáo nói cho ông T biết là ông Nguyễn Văn H2 (ông M), sinh năm 1967, ngụ ấp BT, xã TB, huyện C đã đồng ý nhận cầm xe của ông T với số tiền 10.000.000 đồng nên ông T chạy xe mô tô 02 bánh biển số XXV8-78XX đến nhà ông H2 để cầm xe cùng với giấy đăng ký xe và lấy số tiền 10.000.000 đồng, ra về khỏi nhà ông H2 khoảng 50 mét thì ông T đưa cho bị cáo số tiền 10.000.000 đồng. Khoảng 05 ngày sau, ông T đến nhà ông H2 để trả tiền và chuộc lại xe đã cầm cố. Đến đầu tháng 9/2021, bị cáo gặp và uống cà phê chung ông T và nói là “Đến khi xét xử phải đưa tiếp 30.000.000 đồng hoặc 40.000.000 đồng nữa”, lúc này ông T nghi là bị cáo lừa đảo chiếm đoạt tiền của mình nên trả lời “Tao không có tiền, chạy hết nổi rồi”. Khi biết bị cáo bị Cơ quan Công an bắt quả tang vào ngày 15/9/2021, về việc nhận 60.000.000 đồng để chạy lo giảm án cho chị T2. Ngày 11/10/2021 ông T làm đơn gửi đến cơ quan Công an tố cáo V đã lừa đảo chiếm đoạt tiền 04 lần, với tổng số tiền là 109.960.000 đồng.

\* Vật chứng thu giữ của bị cáo:

- Tại túi quần bên trái là 344.000 đồng.

- Trong cốp xe: Số tiền 20.500.000 đồng, 01 xe mô tô hiệu Honda Future màu xanh, biển kiểm soát XXB2. 327.XX, 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 đã qua sử dụng, 01 nón bảo hiểm màu xanh, 01 khẩu trang màu xanh, 01 kính

chấn giọt bắn, 01 áo bằng vải sọc ca rô ngắn tay màu đỏ xanh trắng đã cũ, bạc màu, 01 quần kaki bông, màu xám đã cũ.

\* Vật chứng do chị Phạm Thị Mộng T2 giao nộp: 01 đầu thu Camera bên trong có một thẻ nhớ được lắp đặt tại quán karaoke “X”, 01 đoạn video trích xuất từ Camera quan sát tại quán karaoke X” có thời lượng 03 phút 13 giây được lưu trữ trên 01 đĩa USB, 01 đoạn ghi âm cuộc nói chuyện về việc T2 giao 60 triệu đồng cho V vào ngày 15/9/2021 có thời lượng 15 phút 15 giây được lưu trữ trên 01 đĩa DVD, 01 đoạn ghi âm cuộc nói chuyện về việc V hứa giúp chạy lo giảm án cho T2 có thời lượng 04 phút 22 giây được lưu trữ trên 01 đĩa USB.

\* Tại Kết luận giám định số 855/GD-PC09 ngày 24/11/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tiền Giang, thể hiện:

- Trích xuất được 02 (hai) tập tin video lưu trữ trong thẻ nhớ camera gửi giám định có nội dung hiển thị thời gian từ 10 giờ 20 phút đến 11 giờ 00 phút ngày 15/11/2021. Hai tập tin video trích xuất có thông tin sau: Một tập tin video tên “hiv00053.mp4” có dung lượng 380MB, thời lượng 12 phút 47 giây và một tập tin video tên “hiv00054.mp4” có dung lượng 737MB, thời lượng 27 phút 12 giây;

- Không phát hiện dấu hiệu cắt, ghép nội dung trong hai tập tin video giám định tên “hiv00053.mp4” và “hiv00054.mp4”.

- Mô tả diễn biến sự việc, đặc điểm của đối tượng và những người liên quan, đặc điểm đồ vật giao nhận trong hai tập tin video giám định tên “hiv00053.mp4” và “hiv00054.mp4”, chi tiết được thể hiện trong Bản ảnh kèm theo.

- Dịch nội dung âm thanh cuộc hội thoại của các đối tượng trong hai tập tin video giám định tên “hiv00053.mp4” và “hiv00054.mp4” thành văn bản, chi tiết được thể hiện trong Bản dịch nội dung âm thanh thành văn bản kèm theo”.

\* Tại Kết luận giám định số 4656/KL-C09B ngày 28/02/2012 của Phân Viện khoa học hình sự Bộ Công an như sau:

- Không phát hiện thấy dấu hiệu cắt ghép, chỉnh sửa nội dung hội thoại trong 02 file mẫu cần giám định (Ký hiệu: M1, M2).

- Tiếng nói của người nam được gọi là “anh Tèo” (Ký hiệu “V” trong “Bản dịch nội dung”) trong 02 file mẫu cần giám định (Ký hiệu: M1, M2) và tiếng nói của bị cáo Trịnh Lê Thanh V trong mẫu so sánh (Ký hiệu: A1) là của cùng một người nói ra.

- Tiếng nói của người nữ xưng là “em” (Ký hiệu “T2” trong “Bản dịch nội dung”) trong 02 file mẫu cần giám định (Ký hiệu: M 1, M2) và tiếng nói của Phạm Thị Mộng T2 trong mẫu so sánh (Ký hiệu: A2) là của cùng một người nói ra.

- Nội dung hội thoại trong 02 file mẫu cần giám định (Ký hiệu: M1, M2) đã được chuyển thành văn bản (Bản dịch nội dung” gồm 13 trang giấy A4). (Bút lục: 160-182).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 47/2022/HSST ngày 07 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

**Tuyên bố:** Bị cáo **Trịnh Lê Thanh V** phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung 2017.

Xử phạt: Bị cáo Trịnh Lê Thanh V 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam là ngày 15/9/2021.

Ngoài ra trong bản án còn quyết định về phân trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

\* Ngày 22 tháng 09 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện C kháng nghị theo Quyết định kháng nghị số 324/QĐ-VKSHCL với nội dung: Kháng nghị về phần nhận định có liên quan đến bị hại Nguyễn Văn T, việc áp dụng pháp luật, hình phạt và bồi thường thiệt hại của bản án sơ thẩm số 47/2022/HS-ST ngày 07 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C. Đề nghị xét xử phúc thẩm theo hướng:

+ Buộc bị cáo Trịnh Lê Thanh V phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản của ông Nguyễn Văn T đối với số tiền 109.960.000 đồng.

+ Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự tăng hình phạt đối với bị cáo Trịnh Lê Thanh V.

+ Buộc bị cáo Trịnh Lê Thanh V bồi thường cho ông Nguyễn Văn T số tiền 109.960.000 đồng.

\* Ngày 09 tháng 9 năm 2022, bị cáo Trịnh Lê Thanh V có đơn kháng cáo với nội dung: Không đồng ý bản án sơ thẩm đã tuyên bị cáo 07 năm tù vì Tòa án cấp sơ thẩm chưa nghiên cứu kỹ hồ sơ vụ án mà cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tiền Giang đã vi phạm tố tụng rất nghiêm trọng và còn làm sai lệch hồ sơ vụ án.

\* Ngày 20 tháng 9 năm 2022 bị hại Nguyễn Văn T có đơn kháng cáo với nội dung: Buộc bị cáo Trịnh Lê Thanh V phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản đối với bị hại Nguyễn Văn T và buộc bị cáo trả lại số tiền chiếm đoạt 109.960.000 đồng.

Tại phiên tòa bị cáo Trịnh Lê Thanh V, ông Nguyễn Văn T và đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và kháng nghị nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang trong phần tranh luận phát biểu quan điểm giải quyết vụ án đã phân tích về hành vi của bị cáo qua các lần hứa hẹn và nhận tiền của ông Nguyễn Văn T, mục đích chạy án, lo cho con ông T được giảm nhẹ hình phạt, ông không phải bị cơ quan Điều tra mời làm việc. Lời trình bày của ông T phù hợp với các nhân chứng. Mặc dù toàn bộ chỉ là chứng cứ gián tiếp nhưng so sánh lại vụ việc đối với Phạm Thị Mộng T, bà Nguyễn Thị B, có căn cứ xác định bị cáo có hành vi lừa gạt đối với ông T như truy tố và kháng nghị của Viện kiểm sát cấp sơ thẩm. Do vậy, cần thiết áp dụng

điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự để xử lý hành vi của bị cáo đồng thời xử phạt bị cáo mức án từ 09 đến 10 năm tù. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang đề nghị chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện C .

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Vẫn như tại phiên tòa sơ thẩm và cả trong quá trình điều tra, truy tố, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không thừa nhận hành vi phạm tội. Tuy nhiên, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa đã thể hiện bị cáo V không có nghề nghiệp ổn định, không làm việc trong cơ quan nhà nước, cơ quan bảo vệ pháp luật nhưng đề chiếm đoạt tiền của người khác nên bị cáo V đã tạo lòng tin bằng cách nói dối, đưa ra những thông tin giả, sai sự thật là có mối quan hệ quen biết với lãnh đạo các cơ quan Công an, Viện kiểm sát, Tòa án và đã từng tác động các cơ quan này giúp đỡ nhiều người được xử án nhẹ, giảm mức án, tha tù trước hạn... để các bị hại tin tưởng và đưa tiền cho bị cáo. Trong khoảng thời gian từ khoảng tháng 3/2020 đến tháng 9/2021 trên địa bàn huyện C và thị xã C , tỉnh Tiền Giang, bị cáo V đã thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị B số tiền là 75.000.000 đồng và của chị Phạm Thị Mộng T2 115.000.000 đồng bao gồm: 5.000.000 đồng đưa tại quán karaoke “X”, 50.000.000 đồng đưa tại quán cà phê “D” thuộc ấp BT, xã TB , huyện C và 60.000.000 đồng vào khoảng 10 giờ 45 phút ngày 15/9/2021 thì bị lực lượng Công an bắt quả tang cùng tang vật. Bị cáo cố tình thực hiện hành vi, dùng thủ đoạn gian dối, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của chị T2, bà B để chiếm đoạt tổng số tiền 190.000.000 đồng, hành vi trên đủ cơ sở quy kết bị cáo phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[2] Đối với ông T khai nhận bị cáo V tạo lòng tin bằng cách nói dối, đưa ra những thông tin giả là có mối quan hệ quen biết với lãnh đạo các cơ quan Công an, Viện kiểm sát, Tòa án, kêu ông T đưa tiền cho bị cáo quan hệ, chạy lo cho ông T không bị Công an huyện C mời làm việc nữa và giúp lo giảm án cho con ông khi Tòa án đưa ra xét xử để ông tin tưởng và đưa 04 lần tiền, tổng cộng là 109.960.000 đồng nhưng không được bị cáo thừa nhận. Ngoài lời khai của ông T thì không có chứng cứ nào khác chứng minh bị cáo chiếm đoạt số tiền nói trên. Thực tế ngày 15/01/2021 con ông T tên Nguyễn Văn P, bị cơ quan Điều tra Công An huyện C khởi tố bắt tạm giam về hành vi cố ý gây T tích, bản thân ông T cũng bị cơ quan Điều tra mời làm việc. Đối với lời trình bày của bà Trần Thị Xuân T4 trùng khớp với lời khai của ông T là vào khoảng đầu năm 2021 T có nhờ V đến mượn tiền của bà nhiều lần, mỗi lần từ 20.000.000 đồng đến 35.000.000 đồng và trả lại tiền sau khoảng 01 tháng từ khi mượn. Mặt khác, theo lời trình bày của ông Nguyễn Văn H2, ông xác định có nhận cầm xe của ông T là 10.000.000 đồng. Theo đại diện Viện kiểm sát từ các tình tiết nêu trên cùng với việc V đã có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bà T2, bà B và với



bản chất ngoan cố quanh co, chối tội thì không riêng gì bà T2, bà B hành vi phạm tội của V đối với ông T là có căn cứ.

Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện C, kháng cáo của ông Nguyễn Văn T về lập luận có phần thuyết phục. Tuy nhiên, về chứng cứ cho thấy toàn bộ chỉ là chứng cứ gián tiếp như có việc con ông T bị khởi tố vụ án hình sự, V có nhiều lần mượn và trả tiền đối với chị vợ, ông T có đi cầm xe. Với những tình tiết trên không đủ căn cứ để quy kết V có hành vi lừa đảo đối với trường hợp của ông T. Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã có quyết định trả hồ sơ cho cơ quan điều tra, truy tố cung cấp chứng cứ chứng minh hành vi bị cáo chiếm đoạt tiền của ông T nhưng cơ quan điều tra, truy tố không cung cấp được. Do đó, căn cứ Điều 13 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm không kết tội bị cáo chiếm đoạt của ông T số tiền 109.960.000 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật. Tại cấp phúc thẩm không có căn cứ gì khác để chứng minh cho kháng cáo và kháng nghị nêu trên nên Hội đồng xét xử không thể chấp nhận.

[3] Xét các vấn đề cấp sơ thẩm đã nhận định là phù hợp với bị cáo, phù hợp với quy định pháp luật như:

- Hành vi phạm tội của bị cáo nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sử hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an tại địa phương, gây ảnh hưởng đến lòng tin của nhân dân vào cơ quan công quyền, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo là người đã thành niên, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nhưng vẫn cố tình phạm tội vì vậy Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt tù thật nghiêm khắc nhằm mục đích cải tạo, giáo dục bị cáo đồng thời răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội.

- Về tính chất, mức độ, phương tiện, thủ đoạn phạm tội: Bị cáo thực hiện hành vi gian dối để chiếm đoạt tiền của người khác, có sự chuẩn bị trước, nhiều lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tiền của người khác trong thời gian dài, trong đó có lần bị bắt quả tang cùng tang vật nhưng quá trình điều tra, truy tố và xét xử tại phiên tòa bị cáo quanh co chối tội, không thừa nhận hành vi phạm tội nên thể hiện sự bất chấp, ngang nhiên, xem thường pháp luật.

- Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 02 lần được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

[4] Qua các tình tiết chứng cứ, tài liệu được xem xét tranh tụng tại phiên tòa, như nhận định nêu trên Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ để chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện C, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang, kháng cáo của bị cáo Trịnh Lê Thanh V và ông Nguyễn Văn T, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C tỉnh Tiền Giang.

Các phần khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Không chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện C , tỉnh Tiền Giang; Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trịnh Lê Thanh V và ông Nguyễn Văn T.

Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 47/2022/HSST ngày 07 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C , tỉnh Tiền Giang

**Tuyên bố:** Bị cáo **Trịnh Lê Thanh V** phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung 2017.

Xử phạt: Bị cáo Trịnh Lê Thanh V 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam là ngày 15/9/2021.

**2.** Về án phí: Bị cáo Trịnh Lê Thanh V phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

**3.** Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Tiền Giang;
- Phòng hồ sơ CA tỉnh Tiền Giang;
- Trại tạm giam CA tỉnh Tiền Giang;
- Phòng KTNV và THA (TAT);
- TAND huyện C ;
- VKSND huyện C ;
- Công an huyện C ;
- THADS huyện C ;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Võ Trung Hiếu**